

Số: 17/2020/DS-ST
Ngày: 10-7-2020
“*V/v: Tranh chấp hợp
đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Thế Thắng.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tiến Tịnh

2 Ông Phan Sỹ Phác

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên toà:* Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐXX-DSST ngày 08/6/2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP KL

Địa chỉ: 40-42-44 Phạm Hồng Th, phường V, thành phố RG, tỉnh KG.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ngọc H; Địa chỉ: số 146 đường H, thành phố B, tỉnh ĐL (Có mặt)

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Xuân T; Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện ĐM, tỉnh ĐN (Có mặt)

Bà Hồ Thị Thùy A; Địa chỉ: thôn M, xã Đ, huyện ĐM, tỉnh ĐN (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL (viết tắt là Ngân hàng KL) và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Ngân hàng KL có ký kết với ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A hợp đồng tín dụng số 880/17/HĐTD/0700-4223 ngày 23/8/2017 cho ông T bà A vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 10,44%/năm, biên độ lãi suất thay đổi được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng 3,69%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liên

trước phát sinh nợ quá hạn, mức phạt chậm trả lãi là 10%/năm trên tiền lãi còn nợ, hình thức thanh toán vốn vay trả cuối kỳ vào ngày 23/8/2018, lãi trả 06 tháng/lần, kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 23/02/2018. Khi vay ông T và bà A có thế chấp tài sản là 01 quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 118 tờ bản đồ số 74, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 921061 được UBND huyện ĐM cấp ngày 09/9/2011 (Bà Hồ Thị Thùy A nhận chuyển nhượng ngày 04/8/2017), diện tích 25.611m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã LS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, đứng tên bà Hồ Thị Thùy A để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Sau khi Ngân hàng giải ngân số tiền 600 triệu đồng cho ông T và bà A, ông T và bà A đã trả cho Ngân hàng được 06 tháng tiền lãi với số tiền 31.577.425 đồng, từ ngày 23/02/2018 đến nay ông T và bà A chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nào, nay nguyên đơn yêu cầu ông T và bà A thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử ngày 10/7/2020 là 822.973.676 đồng, trong đó 600.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 155.383.890 đồng, lãi quá hạn 61.491.676 đồng và phạt chậm trả lãi là 6.098.580 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp ông T và bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 118 tờ bản đồ số 74, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 921061 được UBND huyện ĐM cấp ngày 09/9/2011, diện tích 25.611m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã LS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, đứng tên bà Hồ Thị Thùy A để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Theo lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Xuân T trong quá trình giải quyết vụ án:)

Ông T thừa nhận ông và bà Hồ Thị Thùy A có ký kết Hợp đồng tín dụng số 880/17/HĐTD/0700-4223 ngày 23/8/2017 cho vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 10m,44%/năm, biên độ lãi suất thay đổi được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng 3.69%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước phát sinh nợ quá hạn, mức phạt chậm trả lãi là 10%/năm trên tiền lãi còn nợ, hình thức thanh toán vốn vay trả cuối kỳ vào ngày 23/8/2018, lãi trả 06 tháng/lần, kỳ trả lãi đầu tiên là ngày 23/2/2018. Sau khi Ngân hàng giải ngân ông T, bà A mới thanh toán cho Ngân hàng được 06 tháng tiền lãi đầu tiên đến ngày 23/02/2018 từ đó đến nay chúng tôi chưa thanh toán được thêm khoản tiền gốc và lãi nào cả, với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ông Tài, bà An đồng ý thanh toán cho Ngân hàng, tuy nhiên hiện tại ông T, bà A không có khả năng trả nợ nữa, ông T, bà A đồng ý giao tài sản thế chấp là thửa đất số 118 tờ bản đồ số 74, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 921061 được UBND huyện ĐM cấp ngày 09/9/2011, diện tích 25.611m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã LS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, đứng tên bà Hồ Thị Thùy A để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số 880/17/HĐTC-BDS/0700-4223 ngày 22/8/2017.

Đối với bà Hồ Thị Thùy A trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh ĐN đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án cho bà A, yêu

cầu đương sự phải có mặt tại Tòa án để làm việc, nhưng tất cả những lần triệu tập bà A đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bà A lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, ngày 10/7/2020 là 822.973.676 đồng, trong đó 600.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 155.383.890 đồng, lãi quá hạn 61.491.676 đồng và phạt chậm trả lãi là 6.098.580 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Trường hợp ông T và bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 118 tờ bản đồ số 74, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 921061 được UBND huyện ĐM cấp ngày 09/9/2011, diện tích 25.611m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã LS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, đứng tên bà Hồ Thị Thùy A để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐM phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Xuân T đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn bà Hồ Thị Thùy A chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân T, bà Hồ Thị Thùy A phải trả cho Ngân hàng TMCP KL số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, ngày 10/7/2020 là 822.973.676 đồng, trong đó 600.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi phạt chậm trả và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên. Trường hợp ông T và bà A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí bị đơn ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện ĐM nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh ĐN.

Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn bà Hồ Thị Thùy A Tòa án nhân dân huyện ĐM đã tiến hành triệu tập hợp lệ, nhưng bà A đều vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay đây là lần vắng mặt lần thứ hai của bà A, do đó Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh ĐN tiến hành xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Xuân T, và các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện ĐM, tỉnh ĐN nhận định như sau:

Theo hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 880/17/HĐTD/0700-4223 ngày 23/8/2017 giữa Ngân hàng TMCP KL và ông Nguyễn Xuân T, bà Hồ Thị Thùy A thỏa thuận Ngân hàng TMCP KL cho ông Nguyễn Xuân T, bà Hồ Thị Thùy A vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay là 10.44%/năm. Thực hiện hợp đồng Ngân hàng KL đã giải ngân cho ông T và bà A số tiền theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông T và bà A đã trả cho Ngân hàng được 06 tháng tiền lãi với số tiền 31.577.425 đồng, từ ngày 23/2/2018 đến nay ông T và bà A chưa thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nào, nay nguyên đơn yêu cầu ông T và bà A thanh toán số tiền nợ tính đến ngày xét xử, ngày 10/7/2020 là 822.973.676 đồng, trong đó 600.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 155.383.890 đồng, lãi quá hạn 61.491.676 đồng và phạt chậm trả lãi là 6.098.580 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên.

Theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên ông T và bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 1 về thời hạn vay của Hợp đồng tín dụng được lập giữa hai bên, vì vậy các khoản nợ của ông T và bà A đã bị chuyển thành nợ quá hạn và thu hồi trước hạn theo Điều 7 của hợp đồng tín dụng. Xét việc thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng nội dung hợp đồng phù hợp với khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng.

Nguyên đơn buộc ông Nguyễn Xuân Tài và bà Hồ Thị Thùy An phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền còn nợ và lãi suất là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Do đó buộc ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử, ngày 10/7/2020 là 822.973.676 đồng, trong đó 600.000.000 đồng tiền gốc, lãi trong hạn 155.383.890 đồng, lãi quá hạn 61.491.676 đồng và phạt chậm trả lãi là 6.098.580 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa hai bên là phù hợp.

Xét hợp đồng thế chấp được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật nên có giá trị để đảm bảo thanh toán cho số tiền nợ của bị đơn theo hợp đồng tín dụng 880/17/HĐTD/0700-4223 ngày 23/8/2017. Ông T và bà A thỏa thuận xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi bên vay, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các cam kết tín dụng đã ký với bên Ngân hàng; Áp dụng Điều 317, Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 10 Hợp đồng thế chấp thì các bên đã phát sinh căn cứ thực hiện nghĩa vụ để xử lý tài sản thế chấp. Do đó trường hợp ông T và bà A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng KL có quyền đề nghị Cơ quan thi

hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 880/17/HĐTC-BĐS/0700-4223 ngày 22/8/2017 đối thừa đất số 118 tờ bản đồ số 74, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 921061 được UBND huyện ĐM cấp ngày 09/9/2011, diện tích 25.611m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã LS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, đứng tên bà Hồ Thị Thùy A để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ là có căn cứ cần được chấp nhận.

Về tài sản thế chấp: Ngày 14/11/2019 TAND huyện ĐM đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: thửa đất số 118 tờ bản đồ số 74, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 921061 được UBND huyện ĐM cấp ngày 09/9/2011, diện tích 25.611m², tọa lạc tại xã LS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, đứng tên bà Hồ Thị Thùy A phù hợp với bản đồ giải thửa; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Xuân T, bà Hồ Thị Thùy A phải hoàn trả lại 2.200.000 đồng (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*) chi phí xác minh, xem xét thẩm định cho Ngân hàng TMCP KL

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐM tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL đối với bị đơn ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

Buộc ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A trả tại Thôn MH, xã Đ, huyện ĐM, tỉnh ĐN thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL số nợ tính đến ngày xét xử, ngày 10/7/2020 là 822.973.676đ (*Tám trăm hai mươi hai triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó tiền nợ gốc 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 155.383.890đ (*Một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm tám mươi ba nghìn tám trăm chín mươi đồng*), nợ lãi quá hạn 61.491.676đ (*Sáu mươi một triệu bốn trăm chín mươi một nghìn sáu trăm bảy mươi sáu đồng*) và phạt chậm trả lãi là 6.098.580đ (*Sáu triệu không trăm chín mươi tám nghìn năm trăm tám mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP KL theo quyết định

của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Ngân hàng KL có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là thửa đất số 118 tờ bản đồ số 74, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 921061 được UBND huyện ĐM cấp ngày 09/9/2011, diện tích 25.611m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại xã LS, huyện ĐM, tỉnh ĐN, đứng tên bà Hồ Thị Thùy A để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án; Khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ông Nguyễn Xuân T và bà Hồ Thị Thùy A phải chịu 36.690.000đ (Ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.750.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001680 ngày 30/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐM.

Nguyên đơn, Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện ĐM;
- THADS huyện ĐM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

